

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
53. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC				
245	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	
54. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
246	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	
247	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	
248	2.001019	Chứng thực di chúc	Chứng thực	
249	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	
250	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	
251	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
252	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	
253	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	
254	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Chứng thực	
255	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	
256	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	
257	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	
55. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM				
258	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
56. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
259	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	
260	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
261	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
262	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải ở cơ sở	
263	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
57. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
264	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	
265	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
266	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	
267	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	
268	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
269	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
270	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
271	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
272	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
273	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
274	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	
275	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
276	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
277	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	
278	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
279	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
280	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	
281	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	
282	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	
283	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	
284	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	
285	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	
286	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
287	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
288	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	
289	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
290	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
291	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
292	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	
293	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
294	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	
295	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	
296	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	
297	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	
298	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	
299	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
300	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
301	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
302	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
58. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
303	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	
304	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
305	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	
306	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	
307	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
59. LĨNH VỰC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
308	2.002913	Liên thông điện tử: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Thủ tục hành chính liên thông	
309	3.000722	Liên thông điện tử: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế, cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi	Thủ tục hành chính liên thông	